Tham khảo nhưng bài văn mẫu Phân tích giá trị nhân đạo của đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ Văn 10 tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

Dàn ý Phân tích giá trị nhân đạo của đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ Văn 10 chi tiết

Mở bài

-Giới thiệu tác giả Đặng Trần Côn, đoạn trích và khẳng định giá trị nhân đạo: Đoạn trích "Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ" trích trong tác phẩm "Chinh phụ ngâm" của Đặng Trần Côn đã cho ta thấy rõ điều đó.

Thân bài

- Khẳng định giá trị nhân đạo trong đoạn trích: Nhân đạo luôn là một trong những giá trị tinh thần truyền thống của văn học Việt Nam

- Giá trị nhân đạo thể hiện ở sự đồng cảm của tác giả với số phận người chinh phụ: ta đã nhận thấy được tấm lòng đồng cảm và xót thương mà nhà thơ dành cho người chinh phụ, từ sự đồng cảm ấy mà tác giả đã thấu hiểu một cách sâu sắc nỗi cô đơn

- Giá trị nhân đạo thể hiện ở cách diễn tả tâm trạng của nhân vật trữ tình: Những nỗi niềm trăn trở của người chinh phụ được nhà thơ miêu tả bằng các hành động bồn chồn, lặp đi lặp lại

- Giá trị nhân đạo thể hiện ở thái độ đồng tình và ca ngợi khát khao hạnh phúc đôi lứa của người chinh phụ: Nỗi lòng của người chinh phụ không còn chỉ là tâm trạng của một người mà là tiếng nói thay cho bao người phụ nữ cùng chung số phận như nàng

Kết bài

Ý nghĩa của đoạn trích: tác giả đã lên tiếng tố cáo chiến tranh, khẳng định chính những cuộc chiến tranh phi nghĩa là nguyên nhân dẫn đến cảnh vợ chồng chia lìa, người mẹ xa con, lỡ dở tình yêu và hạnh phúc đôi lứa.

Các bài văn mẫu lớp 10 Phân tích giá trị nhân đạo của đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ chọn lọc

Top 3 những bài làm văn mẫu Phân tích giá trị nhân đạo của đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ ý nghĩa, sâu sắc nhất làm tài liệu tham khảo cho các em học sinh chuẩn bị tốt cho bài kiểm tra sắp tới tại đây:

Phân tích giá trị nhân đạo của đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ Ngữ Văn lớp 10 mẫu 1

Thế kỉ XVII của nước ta là thế kỉ mà hình ảnh người phụ nữ được thể hiện nhiều nhất trong văn học trung đại. Khi ấy những cảm hứng về người phụ nữ luôn được các tác giả gắn với cảm hứng nhân đạo. Đoạn trích "Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ" trích trong tác phẩm "Chinh phụ ngâm" của Đặng Trần Côn đã cho ta thấy rõ điều đó.

Nhân đạo luôn là một trong những giá trị tinh thần truyền thống của văn học Việt Nam. Giá trị nhân đạo thường được biểu hiện qua việc tố cáo, vạch trần tội ác của những kẻ chà đạp lên quyền sống của con người, bên cạnh đó biểu dương những phẩm chất tốt đẹp của con người, đồng thời thông cảm và thấu hiểu tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của con người. Ở trong đoạn trích "Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ" ta đã nhận thấy được tấm lòng đồng cảm và xót thương mà nhà thơ dành cho người chinh phụ, từ sự đồng cảm ấy mà tác giả đã thấu hiểu một cách sâu sắc nỗi cô đơn, buồn khổ của người chinh phụ.

Thể hiện một cách rất tài tình từng diễn biến tinh tế trong nội tâm của người chinh phụ. Nỗi buồn khổ và cô đơn của người chinh phụ trong đoạn trích bắt nguồn từ chính bi kịch mà nàng phải chịu đựng, do những cuộc chiến tranh phi nghĩa đã buộc chồng nàng phải đi chiến trận liên miên. Tình yêu đôi lứa và hạnh phúc gia đình đã không còn trong tầm tay. Phải xa chồng, càng xa nàng càng nhớ và càng thương, càng khao khát hạnh phúc. Nhưng trái ngang thay, nàng càng khao khát bao nhiêu thì lại thấy cay đắng, cô độc và đau đớn bấy nhiêu, bao đêm không ngủ vì những trăn trở không nguôi. Nhà thơ đã rất khéo léo diễn tả chân thực và xúc động các cung bậc tình cảm trong lòng nàng:

"Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước…

Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?"

Những nỗi niềm trăn trở của người chinh phụ được nhà thơ miêu tả bằng các hành động bồn chồn, lặp đi lặp lại: dạo, ngồi, rủ, thác, hành động là vô nghĩa nhưng lại thể hiện chính xác tâm trạng của người chinh phụ. Nàng đang mong ngóng những

tin tốt lành về chồng, nhưng càng mong ngóng lại càng thất vọng. Gửi nỗi niềm ấy vào ngọn đèn nhưng ngọn đèn giữa đêm khuya lại càng làm cho nàng thêm cô quạnh. Rồi tác giả lại điểm thêm những tiếng gà và hoa hòe vào buổi đêm càng thể hiện sự hoang vắng, tĩnh mịch của không gian, tô đậm nỗi cô đơn trong lòng người chinh phụ, trong không gian ấy người chinh phụ thấm thía nỗi sầu trong lòng mình "Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa". Nỗi buồn khổ cứ triền miên không ngơi nghỉ làm cho người chinh phụ chẳng thể tập trung làm được việc gì, mọi việc đều bị chi phối bởi sầu muộn. Tác giả thấu hiểu điều đó nên đã dùng những từ "gượng" trước hành động của nàng: gượng đốt, gượng soi, gượng gảy. Nỗi nhớ chồng của người chinh phụ được tác giả gửi đến chồng nơi trận mạc:

"Lòng này gửi gió đông có tiện…

Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời"

Chưa bao giờ nỗi nhớ chồng lại được thể hiện hay đến thế trong văn học trung đại lúc bấy giờ. Nỗi nhớ da diết, sâu thẳm và mênh mang, vời vợi. Chính nhờ tài năng và lòng đồng cảm sâu sắc đã giúp nhà thơ sáng tạo ra một câu thơ hay như vậy. Nỗi lòng của người chinh phụ không còn chỉ là tâm trạng của một người mà là tiếng nói thay cho bao người phụ nữ cùng chung số phận như nàng. Và có thể thấy, đoạn trích "Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ" nói riêng và bài thơ "Chinh phụ ngâm" nói chung không chỉ được viết bằng sự đồng cảm, nó còn được viết bằng nỗi xót thương đến tột cùng mà nhà thơ dành cho những người chinh phụ. Khi viết về nỗi cô đơn, nhớ thương và buồn khổ trong sâu thẳm tâm hồn người chinh phụ cũng chính là cách tác giả thể hiện thái độ đồng tình, ngợi ca đối với niềm khao khát tình yêu lứa đôi và hạnh phúc gia đình của nàng. Chúng ta có thể khẳng định đó chính là một biểu hiện trong giá trị nhân đạo của đoạn trích.

Qua việc thể hiện tâm trạng của nhân vật trữ tình, tác giả đã lên tiếng tố cáo chiến tranh, khẳng định chính những cuộc chiến tranh phi nghĩa là nguyên nhân dẫn đến cảnh vợ chồng chia lìa, người mẹ xa con, lỡ dở tình yêu và hạnh phúc đôi lứa. "Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ" là đoạn trích tiêu biểu nhất về tinh thần nhân đạo của tác giả Đặng Trần Côn.

Văn mẫu lớp 10 Phân tích giá trị nhân đạo của đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ mẫu 2

Đặng Trần Côn được biết đến như là một nhà văn với tinh thần nhân đạo sâu sắc, mới mẻ. Điều này đã được thể hiện thông qua một cuộc tiễn biệt thấm đẫm tâm trạng, đằng sau đó là nỗi đau người phụ nữ có chồng đi chinh chiến trong tác phẩm "Chinh phụ ngâm". Thông qua bản dịch của Đoàn Thị Điểm, đoạn trích "Tình

cảnh lẻ loi của người chinh phụ" đã làm nổi bật lên nỗi lẻ loi cô đơn cùng những nhớ mong, và có cả những khao khát hạnh phúc của người chinh phụ.

Giá trị nhân đạo là sự quan tâm đến con người mà biểu hiện của giá trị nhân đạo là lòng thương người, sự cảm thông, bênh vực con người. Mỗi một tác phẩm thì giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo biểu hiện ở khía cạnh khác nhau. Giá trị nhân đạo trong "Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ" trước hết được thể hiện ở sự đồng cảm với nỗi nhớ mong của người con gái chờ chồng nơi phương xa. Mở đầu đoạn trích, tác giả đã vẽ nên tâm trạng của người chinh phụ trong tình cảnh cô đơn, lẻ loi, ngày qua ngày mong ngóng tin chồng:

"Dạo hiên vắng thẩm gieo từng bước,

Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.

Ngoài rèm thước chẳng mách tin,

Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?"

Giữa không gian vắng lặng, người chinh phụ dạo bước bên hiên nhà. Nàng gieo từng bước chân khẽ khàng, dạo đi dạo lại chờ ngóng tin chồng. Nàng cứ buông rèm rồi lại kéo rèm, mong ngóng một dáng hình sẽ xuất hiện. Thậm chí, nàng còn khát khao được chim thước mách tin chồng nơi phương xa. Để rồi cuối cùng, một mình nàng đối diện với ngọn đèn khuya. Tình cảnh của người chinh phụ quá lẻ loi, đơn chiếc. Ngày thì khắc khoải chờ mong. Đêm dài câm lặng, biết riêng lòng mình:

"Đèn có biết dường bằng chẳng biết

Lòng thiếp riêng bi thiếp mà thôi

Buồn rầu chẳng nói nên lời

Hoa đèn kia với bóng người khá thương"

Lúc đầu, nàng nghĩ may ra chỉ có ngọn đèn biết tâm sự của mình, sau đó, nàng nhận ra rằng nỗi sầu thương vẫn chẳng được san sẻ nên lòng nàng càng đau khổ. Hình ảnh người chinh phụ thẩm gieo từng bước ngoài hiên vắng và ngồi một mình với ngọn đèn trong phòng đã cực tả nỗi cô đơn trong tình cảnh lẻ loi.

Bức chân dung người phụ nữ ấy không chỉ gợi lên qua những bước chân, động tác, cử chỉ, qua gương mặt buồn rầu, qua dáng ngồi bất động trước ngọn đèn khuya mà còn nổi bật lên trên nền của không gian và thời gian:

“Gà eo óc gáy sương năm trống

Hòe phất phơ rủ bóng bốn bên

Khắc giờ đằng đẵng như niên,

Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.”

Tiếng gà gáy trong đêm gợi ra khoảng không mênh mông, hiu quạnh, khiến người phụ nữ cô đơn, lẻ loi trở nên nhỏ bé, đáng thương. Nghệ thuật lấy động tả tĩnh đẩy tâm trạng người chinh phụ lên một nấc thang mới, khiến nó đau đớn hơn, cô độc hơn, dày vò nàng hơn. Không chỉ có tiếng gà gáy khiến nàng trằn trọc, bóng “hòe phất phơ“ cũng khiến người chinh phụ suy tư, lo nghĩ, từ tính từ “phất phơ“ đến động từ “rủ“, tất cả mang sắc thái chán chường, ủ rũ. Ngoài ra, chỉ thêm hai từ láy “dằng dặc” và “đằng đẵng” nhưng sự chán chường, mệt mỏi kéo dài vô vọng của người chinh phụ trở nên thật cụ thể, hữu hình và có cả chiều sâu trong đó. Kể từ khi chinh phu ra đi, một ngày trở nên dài lê thê như cả một năm, những mối lo toan, nỗi buồn sầu như đông đặc, tích tụ đè nặng lên tâm hồn người phụ nữ đáng thương ấy.

“Hương gượng đốt, hồn đà mê mải,

Gương gượng soi, lệ lại châu chan.

Sắt cầm gượng gảy ngón đàn,

Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng.”

Người chinh phụ gắng tìm cách vượt ra khỏi vòng vây của cảm giác cô đơn, nhưng rốt cuộc vẫn không thoát nổi. Mùi hương trầm đã vô tình đưa nàng trở về những tháng ngày hạnh phúc trước kia, để tâm hồn nàng lạc đi tìm những kí ức đẹp quá xa vời. Nhưng càng tiếc nuối quá khứ tươi đẹp, nhân vật trữ tình càng thấm thía bi kịch hiện tại; lúc soi gương thì lại không cầm được nước mắt. Cảm thấy việc đốt hương, soi gương không thể giúp quên đi chuyện buồn, người chinh phụ tìm đến tiếng đàn. Tác giả sử dụng một loạt hình ảnh ước lệ như “sắt cầm”, “dây uyên”, “phím loan” tượng trưng cho tình yêu đôi lứa, cho vợ chồng hòa hợp. Người chinh phụ lo sợ dây đàn đứt, báo điều chẳng lành về cuộc hôn nhân đang bị chia cắt, về người chồng ngoài chiến trường bặt vô âm tín. Điệp từ “gượng” cho thấy sự cố

gắng gượng gạo, chán nản ở người chinh phụ, nàng vùng vẫy trong nỗi cô đơn nhưng lại bị chính nỗi cô đơn bóp chặt.

Giá trị nhân đạo của tác phẩm còn được thể hiện ở tiếng nói cảm thương cho tâm trạng nhớ thương của người chinh phụ gửi tới chồng ở miền xa. Nỗi nhớ thương thật tha thiết:

“Lòng này gửi gió đông có tiện?

Nghìn vàng xin gửi đến non Yên.

Non Yên dù chẳng tới miền,

Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.”

Những hình ảnh có tính tượng trưng ước lệ như “gió đông”, “non Yên”, “trời thăm thẳm” vừa gợi ra không gian rộng lớn vô tận nói lên khoảng cách xa xôi giữa chinh phu và chinh phụ vừa biểu đạt được tấm lòng chân thành, nỗi nhớ nhung vô hạn của người vợ nơi quê nhà.

“Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,

Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.

Cảnh buồn người thiết tha lòng,

Cành cây sương đượm, tiếng trùng mưa phun.”

Chinh phụ nhìn cảnh vật bằng đôi mắt chất chứa buồn thương nên thấy bất cứ cái gì cũng gợi dậy bao nỗi đoạn trường. Trong bức tranh mùa đông được gợi mở, tác giả đã sử dụng biện pháp so sánh bất ngờ để cực tả nỗi sầu muộn và cảm giác lạnh lẽo trong lòng người phụ nữ:

“Sương như búa bổ mòn gốc liễu

Tuyết dường cưa, xẻ héo cành ngô”

Nỗi đau đớn sầu muộn ấy khi thì nặng nề như búa bổ, khi thì nặng nề như cưa xẻ còn “gốc liễu” “cành ngô” ấy phải chăng chính là hiện thân của người phụ nữ đang mòn mỏi chờ chồng.

“Giọt sương phủ bụi chim gù

Sâu tường kêu vẳng chuông chùa nện khơi”

Tiếng chim gù trong bụi cây sương phủ, tiếng sâu tường kêu vẳng trong đêm sương, tiếng chuông chùa từ xa “nện” lại như những cơn sóng dữ dội, tha thiết và nhức nhối đang cuộn lên trong lòng người phụ nữ ấy. Tất cả những âm thanh như đang xoáy sâu vào tâm hồn, ăn mòn tâm trí của chinh phụ.

Nhà thơ còn bộc lộ sự nhân văn của mình thông qua việc trân trọng, đồng tính với khát vọng được hưởng hạnh phúc lứa đôi của người chinh phụ.

“Vài tiếng dế nguyệt soi trước ốc

Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên

Lá màn lay động gió xuyên,

Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm

Hoa đãi nguyệt, nguyệt in một tấm

Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông

Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,

Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu”

Chữ thốc rất mạnh trong câu "Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên" báo hiệu sự chuyển sang một tâm trạng mới ở người chinh phụ. Cảnh hoa - nguyệt giao hòa khiến lòng người rạo rực, khao khát hạnh phúc lứa đôi. Bức tranh hoa nguyệt lộng lẫy ấy đã được nhà thơ khắc họa bằng thủ pháp trùng điệp liên hoàn tạo ra những hình ảnh lồng xoáy vào nhau, những lớp hình ảnh giao hòa. Cùng với hình ảnh, âm điệu của lời thơ cũng trở nên tha thiết, nồng nàn như những con sóng của niềm khao khát đang dâng lên trong lòng người chinh phụ. Đến đây, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đã đạt đến mức điêu luyện. Có thể nói, đoạn thơ trên đã thể hiện hết sức tế nhị những khao khát thầm kín và mãnh liệt của người chinh phụ – đó cũng là những khát vọng trần thế và nhân bản của con người.

Qua tất cả những sự đồng cảm ấy, tác giả đã lên án chiến tranh phi nghĩa, chia cắt đôi vợ chồng chinh phu - chinh phụ. Thời đại của Đặng Trần Côn là thời kì mà chiến tranh các tập đoàn phong kiến diễn ra liên miên và phong trào nông dân khởi nghĩa nổ ra khắp nơi, nhà nhà sống trong cảnh loạn lạc, khói lửa, đâu đâu cũng thấy cảnh lầm than, tang tóc. Khi thời đại đưa cho ông một đề tài quen thuộc “hiện

thực chiến tranh", bằng cảm hứng nhân đạo của mình, Đặng Trần Côn đã chiếu ngòi bút của mình xuống những nỗi đau của người phụ nữ trong chiến tranh để cất lên tiếng nói của con người thời đại, tiếng nói oán ghét chiến tranh phi nghĩa, tiếng nói đòi quyền sống, quyền hạnh phúc qua khúc tự tình trường thiên "Chinh phụ ngâm". Xuyên suốt toàn bộ tác phẩm, qua nỗi niềm của người chinh phụ có chồng ra trận, tác giả đã đã để cho người đọc cảm nhận nỗi đau thương trong chiến tranh của cả hai phía người ra trân và người ở lại.

Không chỉ xuất sắc về mặt nội dung, tác phẩm còn là kết tinh của giá trị nghệ thuật đặc sắc. Cụ thể ở đây, bản dịch của Đoàn Thị Điểm đã khéo léo sử dụng hàng loạt từ láy: gà eo óc, hòe phất phơ, khắc giờ đằng đẵng, mối sầu dằng dặc, hồn mê mải, lệ châu chan, trời thăm thẳm, nhớ đau đáu,... Ngoài ra, nhà thơ đã phát huy một cách tài tình nhạc điệu trầm bổng, du dương của thể song thất lục bát giống như những đợt sóng dào dạt diễn tả tâm trạng người chinh phụ hết nhớ lại thương, hết thương lại nhớ trong tình cảnh lẻ loi đơn chiếc.

Không trực tiếp lên án tố cáo chiến tranh, nhưng tác giả đã mở rộng diện đề tài, khai thác sâu sắc hơn thế giới tâm hồn con người, xác định nguồn cảm xúc tươi mới và khẳng định những giá trị nhân văn cao cả, từ đó bộc lộ tinh thần nhân đạo chủ nghĩa thông qua tiếng nói cảm thương cho người con gái chờ chồng nơi phương xa. Đồng thời, tác phẩm đã đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của giai đoạn văn chương thế kỷ XVIII trong tiến trình phát triển chung của nền văn học dân tộc.

Phân tích giá trị nhân đạo của đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ Văn 10 hay nhất mẫu 3

Thế kỉ XVIII là thế kỉ hình ảnh người phụ nữ được thể hiện nhiều nhất trong văn học trung đại. Một điều đặc biệt là cảm hứng về người phụ nữ luôn gắn liền với cảm hứng nhân đạo. Đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ cho ta thấy rõ điều đó.

Nhân đạo là một trong những giá trị tinh thần truyền thống văn học Việt Nam. Giá trị nhân đạo thường được thể hiện qua việc tố cáo, vạch trần tội ác của những thế lực chà đạp lên quyền sống của con người; biểu dương ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người; thông cảm, thấu hiểu những tâm tư, tình cảm cũng như những nguyện vọng của con người, giúp họ nói lên những ước nguyện đấu tranh để giành được ước nguyện ấy. ở đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ, dễ dàng nhận thấy tấm lòng đồng cảm, xót thương nhà thơ dành cho nhân vật trữ tình. Chính bởi đồng cảm nên tác giả đã thấu hiểu một cách sâu sắc mọi nỗi cô đơn,

buồn khổ của người chinh phụ, thể hiện rõ nét từng biến thái tinh vi trong nội tâm nhân người phụ nữ ấy.

Nỗi cô đơn, buồn khổ của người phụ nữ trong Chinh phụ ngâm bắt nguồn từ bi kịch mà nàng phải chịu đựng. Cuộc chiến tranh phi nghĩa đã cuốn người chồng của nàng vào vòng chiến trận liên miên. Tình yêu, hạnh phúc bỗng nhiên vuột khỏi tay nàng. Càng xa chồng, nàng càng nhớ thương, càng khao khát hạnh phúc. Nhưng càng khao khát, người chinh phụ càng cảm thây cô độc, lẻ loi, càng đau đớn, khổ sở. Bao đêm nàng không ngủ là bấy nhiêu đêm nàng trăn trở khôn nguôi... Không đồng cảm với. nỗi lòng chinh phụ, nhà thơ sẽ không thể diễn tả một cách chân thực, xúc động từng cung bậc tình cảm trong lòng nàng.

Dạo hiền vắng thầm gieo từng bước,

Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.

Ngoài rèm thước chẳng mắch tin,

Trong rèm, dường đã có đen biết chăng?

Nỗi niềm trăn trở không yên của nhân vật trữ tình được tác giả phổ vào các hành động miêu tả trạng thái bồn chồn lặp đi lặp lại không dứt: dạo, ngồi, rủ, thác. Các hành động tưởng như vô nghĩa nhưng tất cả lại cùng thể hiện một cách chính xác tâm trạng người chinh phụ. Nàng như đang mong ngóng tin tốt lành về người chồng của mình và hình như càng mong ngóng, càng thất vọng. Gửi nỗi chờ mong vào ngọn đèn nhưng ngọn đèn giữa đêm khuya chỉ khiến lòng nàng thêm cô quạnh. Lời thơ hoà vào tiếng lòng bi ai của nhân vật, trào dâng thành nỗi buồn khôn xiết:

Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi

ở những dòng tiếp theo đưa tiếng gà và hình ảnh hoa hoè vào đêm, tác giả Chinh phụ ngâm muốn thể hiện sự hoang Vắng, tịch mịch của không gian, từ đó tô đậm nỗi cô đơn, quạnh vắng trong tâm trạng nhàn vật trữ tình. Giữa không gian ấy, người chinh phụ càng thấm thìa nỗi sầu trong lòng mình. Và thấu hiểu nỗi buồn thương trong lòng người phụ nữ đáng thương, tác giả đã làm một phép đo chiều dài của nỗi nhớ chồng:

Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa

Nỗi buồn khổ không dứt trong lòng khiến người chinh phụ không thể tập trung làm được việc gì. Moi hành động của nàng dường như đều bị chi phối bởi nó. Thấu hiểu điều này, ba lần liên tiếp tác giả để chữ gượng xuất hiện trước các hành động

của nàng: gượng đốt (hương), gượng soi (gương), gượng gảy (đàn). Tâm hồn nàng cứ miên man, mơ màng, nước mắt nhạt nhoà gương mặt mà nàng đâu có biết. Dự cảm về điềm gở, sự không hay trong tình cảm vợ chồng khiến nàng chỉ gượng gảy đàn sắt, đàn cầm. Và hơn hết, đọc được tâm sự trong lòng nàng nên nhà thơ đã giúp nàng gửi nỗi nhớ đến người chồng nơi trận mạc:

Lòng này gửi gió đông có tiện?

Nghìn vàng xin gửi đến non Yên.

Non Yên dù chẳng tới miền,

Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.

Có thể nói câu thơ Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời là một trong những câu thơ hay nhất văn học thời kì trung đại. Chưa khi nào nỗi nhớ chồng được thể hiện một cách da diết, sâu thẳm, mênh mang, cao vợi như thế. Tài năng và hơn hết là sự đồng cảm đã giúp người nghệ sĩ sáng tạo một câu thơ tuyệt hay. Nỗi lòng người chinh phụ đã vuột ra khỏi phạm vi tâm trạng của một con người mà cất lên nói thay cho bao người, phụ nữ cùng chung số phận như nàng. Những dòng thơ Chinh phụ ngâm đâu chỉ được viết bằng sự đồng cảm? Nó còn được viết bằng nỗi xót thương đến tột cùng của người nghệ sĩ.

Viết về nỗi buồn khổ, cô đơn trong sâu thẳm tâm hồn người chinh phụ cũng chính là cách tác giả thể hiện thái độ đồng tình và ngợi ca của mình đối với niềm khao khát tình yêu, hạnh phúc lứa đôi của nàng. Và đó cũng chính là một biểu hiện trong giá trị nhân đạo của đoạn trích.

Không bộc lộ trực tiếp sự oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa nhưng thông qua việc thể hiện tâm trạng nhân vật trữ tình, tác giả Chinh phụ ngâm muốn cất tiếng tố cáo chiến tranh. Chính những cuộc chiến phi nghĩa này là nguyên nhân dẫn đến tình trạng những người chồng phải xa vợ, những người mẹ phải lìa con, hạnh phúc, tình yêu lứa đôi lỡ dở. Có bao nhiêu người chinh phụ phải sống trong cảnh mỏi mòn nhớ thương, cô đơn như nàng đây?

Có thể nói đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ là đoạn trích tiêu biểu nhất trong Chinh phụ ngâm về tinh thần nhân đạo của Đặng Trần Côn và Đoàn Thị Điểm.